

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1541/2020/HC-ST**

Ngày: 21/9/2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ giải
phóng mặt bằng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long

2. Bà Nguyễn Thị Nở

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên

Trong các ngày 21 tháng 8 và 21 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố H. xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 372/2018/TLST-HC ngày 09 tháng 11 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3067/2020/QĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 8186/2020/QĐHC-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 và số 8426/2020/QĐHC-ST ngày 04/8/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Ngô Ngọc Th., sinh năm 1971 (Có mặt)

Bà Nguyễn Kiều Tr., sinh năm 1974 (Có mặt)

Cư trú: A3/15U ấp 1, xã Tân Kiên, huyện Bình Ch., Thành phố H.

Người đại diện ủy quyền ngày 04/6/2020: Ông Đỗ Hải Bình (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T. – Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1 Ủy ban nhân dân huyện Bình Ch., Thành phố H.

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Ch., Thành phố H.

Trụ sở: 374 Tân Túc, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Ch., Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Phú L. – Chủ tịch (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Bà Nguyễn Thị Kim Ng. – Trưởng Phòng nghiệp vụ dự án số 1 – Ban Bồi thường – Giải phóng mặt bằng huyện Bình Ch. (Có mặt)

Ông Nguyễn Văn Th.– Chuyên viên Ban Bồi thường – Giải phóng mặt bằng huyện Bình Ch. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện gửi ngày 06/8/2018 (BL51) và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/8/2018 (BL57); Bản tự khai ngày 29/01/2019, người khởi kiện và đại diện ủy quyền trình bày:

Vợ chồng tôi là Ngô Ngọc Th., Nguyễn Kiều Tr. (viết tắt hộ ông Ngô Ngọc Th.) nhận chuyển nhượng phần diện tích đất 2.046m², thửa 1298, tờ bản đồ số 01 tại xã Tân Kiên, huyện Bình Ch. và được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện Bình Ch. cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL185) số T 222962 ngày 12/11/2001 (viết tắt Giấy CNQSDĐ năm 2001).

Do nhu cầu sinh hoạt và kinh doanh, vợ chồng tôi san lấp mặt bằng 500m² trên phần đất này và buộc phải ngưng thi công theo Biên bản vi phạm hành chính lập ngày 24/12/2001 (viết tắt Biên bản VPHC ngày 24/12/2001) của Đội Quản lý trật tự đô thị huyện Bình Ch. và Quyết định số 299/QĐ-UB ngày 24/01/2002 (viết tắt Quyết định số 299/QĐ-UB) của UBND huyện Bình Ch., đồng thời đã nộp tiền phạt là 500.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng tôi vẫn tiếp tục xây dựng với tổng diện tích khoảng 1.780m² cho đến tháng 3/2002 đã hoàn thành và xin đăng ký kinh doanh được UBND huyện Bình Ch. cấp Giấy chứng nhận ngày 14/6/2002 là Hộ kinh doanh Cơ sở Tuấn Long T-L do ông Ngô Ngọc Th. là đại diện kinh doanh tại địa điểm số A5/6 ấp 1, xã Tân Kiên, huyện Bình Ch. (viết tắt nhà đất số A5/6). Từ đó đến nay, gia đình chúng tôi sinh hoạt ổn định và kinh doanh có nộp thuế hàng năm, không có tranh chấp.

Trong phần diện tích trên có một phần diện tích nhà 783,9m² trên đất 436,9m² bị thu hồi để thực hiện Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn trên địa bàn huyện Bình Ch. (viết tắt Dự án đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn). UBND huyện Bình Ch. bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng tôi với tổng số tiền 678.112.490 đồng theo các Quyết định số 7623/QĐ-UBND ngày 06/11/2013 (BL226) và số 7996/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 (BL238). Hai quyết định này được Tòa án nhân dân Thành phố H. tuyên hủy theo Bản án số 1319/2015/HC-PT ngày 29/9/2015 (viết tắt Bản án phúc thẩm số 1319/2015/HC-PT) về việc sửa Bản án số 04/2015/HC-ST ngày 26/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Ch..

Ngày 28/12/2016, UBND huyện Bình Ch. ban hành Quyết định số 13632/QĐ-UBND (viết tắt Quyết định số 13632/QĐ-UBND) bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 684.622.300 đồng (BL133) và gửi đơn khiếu nại ngày 08/02/2017.

Tiếp theo đó, UBND huyện Bình Ch. hỗ trợ lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng và khoản tiền bằng mức chậm nộp là 148.675.293 đồng nêu tại Quyết định số 3872/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 và số tiền ngừng sản xuất, kinh doanh là 17.315.600 đồng tại Quyết định số 9598/QĐ-UBND ngày 21/7/2017.

Ngày 16/8/2017, Chủ tịch UBND huyện Bình Ch. ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 10572/QĐ-UBND (viết tắt Quyết định GQKN số 10572/QĐ-UBND) là bác toàn bộ nội dung khiếu nại của chúng tôi (BL141).

Không đồng ý, vợ chồng tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H. hủy Quyết định số 13632/QĐ-UBND, Quyết định GQKN số 10572/QĐ-UBND và buộc UBND huyện Bình Ch. bồi thường, hỗ trợ theo sự phán quyết của Bản án phúc thẩm số 1319/2015/HC-PT với tổng số tiền là 3.093.053.665 đồng, bao gồm:

Phần diện tích đất bị thu hồi nằm trong khu dân cư thuộc hẻm cấp 1 ra đường Nguyễn Cửu Phú, xã Tân Kiên, huyện Bình Ch. đã chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở trước ngày 22/4/2002 là 1.544.004.600 đồng. Mặt khác, phần đất này có nguồn gốc là nhận chuyển nhượng nên khấu trừ phần nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất phải nộp 6.531.655 đồng từ ngày 01/5/2002 đến tháng 4/2011 vào số tiền hỗ trợ chênh lệch giữa đất phi nông nghiệp theo Phiếu chiết tính số 637/PCT-BBT ngày 23/12/2016 (viết tắt Phiếu chiết tính số 637/PCT-BBT) của Ban Bồi thường – Giải phóng mặt bằng (Ban BT-GPMB) huyện Bình Ch. là không đúng;

Việc xây dựng nhà đất số A5/6 để kinh doanh trên phần đất bị thu hồi từ tháng 01/2002 đến đầu tháng 3/2002 đã đưa vào sử dụng ổn định và bị xử phạt theo Quyết định số 299/QĐ-UB, không có tranh chấp được khẳng định tại Bản án phúc thẩm số 1319/2015/HC-PT nên phải bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 1.189.019.520 đồng;

Hỗ trợ kinh phí để tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt máy móc; 12 camera quan sát và hệ thống điện trong cơ sở là 360.029.545 đồng theo Bảng báo giá số 66/HG-KT ngày 18/6/2014 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Vĩ Đại và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Công nghệ Viễn Thông Nghĩa Phát, Bảng kê thiệt hại ngày 23/7/2014, hỗ trợ ổn định sản xuất và khen thưởng.

Văn bản số 3615/UBND và số 3617/UBND ngày 19/12/2018, đại diện Ủy ban nhân dân huyện Bình Ch. và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Ch. trình bày:

Sau khi Bản án phúc thẩm số 1319/2015/HC-PT (BL129) tuyên hủy bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Ngô Ngọc Th. về các quyết định ban hành năm 2013, 2014 thì UBND huyện Bình Ch. giải quyết tiếp bằng các quyết định hành chính như đơn khởi kiện nêu. Tuy nhiên, vẫn căn cứ vào các tài liệu của hộ ông Ngô Ngọc Th. cung cấp và nội dung xác nhận của UBND xã Tân Kiên, huyện Bình Ch. đều thể hiện: công trình xây dựng nhà đất số A5/6 là để sản xuất thùng loa, không phải mục đích ở. Thời điểm bắt đầu khởi công là ngày 08/02/2002 đến tháng 5/2002 thì xây dựng xong. Như vậy, thời điểm để xác định công trình vi phạm là thời điểm hoàn thành công trình của hộ ông Ngô Ngọc Th. nhưng không chứng minh việc tự chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trước ngày 22/4/2002 theo Điều 36 của Luật Đất đai năm 2003, điểm b khoản 1 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về thời điểm để tính thời hiệu xử phạt; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ, khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2014 ngày 12/02/2014 của Bộ Xây dựng nên không tính hỗ trợ đối với vật kiến trúc nhà xưởng theo điểm b khoản 2 Phần I Chương III Phương án số 206/PA-HĐBT ngày 14/10/2013 (viết tắt Phương án số 206/PA-HĐBT) của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Bình Ch..

Do đó, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của hộ ông Ngô Ngọc Th.,

kể cả hỗ trợ kinh phí tháo dỡ, di chuyển do Hội đồng thẩm định Thành phố H. không chấp thuận đề xuất của UBND huyện Bình Ch. tại Văn bản số 1325/UBND ngày 04/8/2014 và tiền khen thưởng vì chưa bàn giao mặt bằng nêu tại Phần V Chương IV Phương án số 206/PA-HĐBT. Đồng thời, đề nghị tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết, Tòa án kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay,

Ông Ngô Ngọc Th., bà Nguyễn Kiều Tr. đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện về bồi thường đất ở trong hạn mức, ngoài hạn mức cũng như các khoản hỗ trợ tháo dỡ; di chuyển máy móc, ổn định sản xuất và khen thưởng. Ông Đỗ Hải Bình đề nghị ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn Th. trong việc xác định thời điểm xây dựng nhà xưởng của hộ ông Ngô Ngọc Th. là căn cứ vào nội dung xác nhận của UBND xã Tân Kiên, huyện Bình Ch. ngày 23/12/2018 là từ tháng 02/2002 đến tháng 5/2002. Do đó, việc áp dụng thời điểm vi phạm công trình tính đến khi đã hoàn thành vào tháng 5/2002 là ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ ông Ngô Ngọc Th.. Đề nghị thống nhất ý kiến của ông Nguyễn Văn T. – Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của hộ ông Ngô Ngọc Th. hủy hai quyết định hành chính bị khởi kiện về phần bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc nhà xưởng nêu tại Phiếu chiết tính số 637/PCT-BBT ngày 23/12/2016 của Ban BT-GPMB huyện Bình Ch. do xây dựng trước ngày 22/4/2002 theo Phương án số 206/PA-HĐBT. Riêng nội dung khác của hai quyết định này mà hộ ông Ngô Ngọc Th. không yêu cầu tiếp tục giải quyết nên đình chỉ.

Ông Nguyễn Văn Th. không có ý kiến về phần rút yêu cầu của hộ ông Ngô Ngọc Th. nêu tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn Tài, ông Đỗ Hải Bình về việc không hỗ trợ vật kiến trúc nhà xưởng theo các văn bản của UBND huyện Bình Ch. đã gửi.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của hộ ông Ngô Ngọc Th. vì có cơ sở xác định một phần diện tích nhà xưởng trên phần đất bị thu hồi đã xây dựng và sử dụng trước ngày 22/4/2002.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Xét đơn của hộ ông Ngô Ngọc Th. khởi kiện UBND huyện Bình Ch. và Chủ tịch UBND huyện Bình Ch. đối với Quyết định số 13632/QĐ-UBND và Quyết định GQKN số 10572/QĐ-UBND là loại khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H. và còn thời hiệu theo khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[2] Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông Trần Phú L. phù hợp Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

[3] Xét thẩm quyền ban hành Quyết định số 13632/QĐ-UBND và Quyết

định GQKN số 10572/QĐ-UBND của Phó Chủ tịch UBND huyện Bình Ch. phù hợp Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003, khoản 1 Điều 18 của Luật Khiếu nại năm 2011, Quyết định số 7116/QĐ-UBND ngày 20/8/2016 và Thông báo số 1136/TB-UBND ngày 09/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện Bình Ch..

[4] Tại phiên tòa, người khởi kiện đề nghị rút yêu cầu giải quyết của hai quyết định khởi kiện về phần hỗ trợ về đất 436,9m² nêu tại điểm 1 và 3 Đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 và bổ sung ngày 20/8/2018 là tự nguyện, nên ghi nhận, kể cả khoản tiền chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) theo Phiếu chi lập ngày 03/9/2020.

[5] Xét phần diện tích đất 436,9m²/2.046m² của hộ ông Ngô Ngọc Th. bị ảnh hưởng bởi Dự án đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn là đất nông nghiệp được UBND huyện Bình Ch. cấp (BL185). Quá trình sử dụng tự chuyển mục đích sử dụng sang sản xuất kinh doanh bằng việc san lấp mặt bằng 500m² nêu tại Biên bản VPHC ngày 24/12/2001 (BL186) và đã nộp phạt theo Quyết định số 299/QĐ-UB (BL187) vào ngày 28/01/2002 (BL116). Hộ ông Ngô Ngọc Th. vẫn tiếp tục xây dựng nhà xưởng (BL96) trên phần đất này chủ yếu là sản xuất và lắp ráp các loại thùng loa có đăng ký kinh doanh (BL189), gắn đồng hồ điện (BL193), được Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu hệ thống phòng chống cháy ngày 12/12/2003 (BL196), có nộp thuế hàng năm (BL107). Dự án này được thực hiện theo Văn bản số 6553/UBND-ĐTMT ngày 17/12/2010 của UBND Thành phố H. được UBND huyện Bình Ch. công bố theo Thông báo số 37/TB-UBND ngày 04/5/2011. Phiếu kê khai nhà đất và tài sản (BL221) của bà Nguyễn Kiều Tr. ký ngày 18/10/2011 (tài liệu do người bị kiện cung cấp) thể hiện thời điểm sử dụng phần đất trên có trước ngày công bố qui hoạch, trước ngày 22/4/2002 phù hợp tại Văn bản số 878/UBND ngày 23/12/2013 (BL227) của UBND xã Tân Kiên, huyện Bình Ch. nêu “Thời điểm xây dựng từ tháng 02 đến tháng 5 năm 2002” (thay thế Văn bản số 699/CV-UBND ngày 18/01/2013). Như vậy, người bị kiện xác định “công trình vi phạm” là thời điểm công trình đã hoàn thành vào tháng 5/2002 là không có căn cứ, bởi tại điểm 2.b Mục I Chương III Phương án số 206/PA-HĐBT (BL219) qui định “Nhà ở, công trình sinh hoạt xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở nhưng tại thời điểm xây dựng chưa có qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố ... phải có thời điểm xây dựng trước ngày 22/4/2002 được hỗ trợ bằng 80% giá trị công trình theo đơn giá xây dựng mới của nhà, công trình do UBND Thành phố ban hành; ...”. Do đó, ông Đỗ Hải Bình không đồng ý việc xác định thời điểm công trình vi phạm để tính thời điểm xây dựng hoàn thành công trình như văn bản nêu ý kiến của đại diện người bị kiện (BL283) cũng như ông Nguyễn Văn Th.nêu và dẫn đến việc không hỗ trợ diện tích nhà xưởng 706,55m² với kết cấu nền xi măng; cột sắt I200; tường gạch + tôn; mái tôn; kèo sắt I200; xà gồ thép và sàn bê tông giả 39m² là gây thiệt hại đến quyền lợi của người khởi kiện nên cần phải hủy một phần của Quyết định số 13632/QĐ-UBND và cả một phần của Quyết định GQKN số 10572/QĐ-UBND về phần hỗ trợ nhà xưởng vừa nêu trên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát kết luận là có cơ sở.

[6] Do chấp nhận yêu cầu nên hoàn trả số tiền tạm nộp án phí cho người khởi kiện. Người bị kiện chịu án phí hành chính sơ thẩm. Ngoài ra, tuyên quyền kháng cáo và quyền kháng nghị theo luật định.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kiều Tr. và ông Ngô Ngọc Th.:

Hủy một phần Quyết định số 13632/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Ch. và một phần Quyết định số 10572/QĐ-UBND ngày 16/8/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Ch. về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Kiều Tr. (Lần đầu) về phần bồi thường, hỗ trợ thiệt hại vật kiến trúc đối với bà Nguyễn Kiều Tr., địa chỉ giải tỏa một phần thửa số 1298, tờ bản đồ số 1 trong Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình đường dây điện 500KV Phú Lâm – Ô Môn trên địa bàn huyện Bình Ch., Thành phố H..

2. Án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Ủy ban nhân dân huyện Bình Ch. chịu án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Ngô Ngọc Th. và bà Nguyễn Kiều Tr. số tiền nộp tạm ứng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 045592 ngày 07/11/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H..

Ông Ngô Ngọc Th. và bà Nguyễn Kiều Tr. tự nguyện chịu số tiền nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm ngàn đồng) theo Phiếu chi lập ngày 03/9/2020.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án, nhận bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo luật định./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Mỹ Cúc